TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2023
"V/v Ly hôn,
tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Được

2. Ông Nguyễn Văn Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 1991. Địa chỉ: ấp Đ, xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Phạm Minh D, sinh năm: 1987. Địa chỉ: ấp T, xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà H, ông D đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Phạm Minh D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ đầu năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Phước, thành phố Bà Rịa vào năm 2016. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi, cưới. Sau khi cưới ông bà về chung sống tại địa chỉ: Tổ 7, ấp Đông, xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bà H và ông D chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không

hòa hợp, tính tình cả hai không hợp nhau, không thể nói chuyện được với nhau. Từ khi có con chung, ông D thường xuyên vắng nhà cả ngày lẫn đêm, không giúp bà H trông nom con cái và chăm sóc gia đình, thiếu trách nhiệm với vợ con, không phụ bà H kinh tế gia đình, mặc bà H phải lo toan toàn bộ.

Tình trạng trên kéo dài mà không thể giải quyết được nên hai bên thường xảy ra tranh cãi và mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Bà H đã cho ông D rất nhiều cơ hội nhưng ông D vẫn không sửa đổi.

Bà H và ông D đã ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm lẫn như cuộc sống thường ngày. Nhận thấy giữa bà H và ông D mạnh ai lấy sống, không còn tình cảm với nhau nữa, đề nghị TAND huyện Đất Đỏ cho bà H được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Bà H và ông D có 02 con chung là Phạm Lê Diễm M, sinh ngày 14/12/2014 và Phạm Lê Tuấn A, sinh ngày 20/5/2016, hai con chung hiện đang sống chung với bà H. Bà H yêu cầu Tòa án giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/6/2023, bị đơn ông Phạm Minh D trình bày:

Ông D và bà H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ đầu năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Phước, thành phố Bà Rịa vào năm 2016.

Ông bà chung sống với nhau tới năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về mọi mặt, không hợp nhau. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông thì ông D đồng ý.

- Về con chung: Bà H và ông D có 02 con chung là Phạm Lê Diễm M, sinh ngày 14/12/2014 và Phạm Lê Tuấn A, sinh ngày 20/5/2016, hai con chung hiện đang sống chung với bà H. Ông D đồng ý giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Phạm Minh D và nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc H xin ly hôn với ông Phạm Minh D là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông D; Về con chung: Bà H và ông D có 02 con chung là Phạm Lê Diễm M, sinh ngày 14/12/2014 và Phạm Lê Tuấn A, sinh ngày 20/5/2016, hai con chung hiện đang sống chung với bà H. Bà H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, ông D cũng thống nhất giao hai con chung cho bà H

nuôi dưỡng và con chung chưa thành niên có nguyện vọng sống chung với bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; Về vấn đề cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với ông Phạm Minh D, bị đơn đang cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Phạm Minh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Ngọc H và ông Phạm Minh D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 17/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã Long Phước, thành phố Bà Rịa nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà H thì trong quá trình chung sống, giữa ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi do hai bên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt trong cuộc sống, lối sống chung không phù hợp. Từ khi có con chung thì ông D thường xuyên vắng nhà cả ngày lẫn đêm, không giúp bà H trông nom con cái và chăm sóc gia đình, thiếu trách nhiệm với vợ con, không phụ bà H kinh tế gia đình, mặc bà H phải lo toan toàn bộ. Bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa. Ông D cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không phù hợp và đồng ý ly hôn với bà H. Bà H và ông D đã ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn liên lạc gì với nhau về tình cảm. Điều đó chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông D có 02 con chung là Phạm Lê Diễm M, sinh ngày 14/12/2014 và Phạm Lê Tuấn A, sinh ngày 20/5/2016, hiện hai con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của bà H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và đảm

bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc H được ly hôn với ông Phạm Minh D.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Phạm Lê Diễm M, sinh ngày 14/12/2014 và Phạm Lê Tuấn A, sinh ngày 20/5/2016 cho bà Lê Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi con chung lần lượt đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Phạm Minh D được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010284 ngày 12/05/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà H đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
-UBND xã Long Phước, TP. Bà Rịa;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

TRẦN THỊ MỸ DUNG